

THE CATEGORY OF "CHÍ" IN NGUYEN TRAI'S NOM POETRY

Nguyen Van Trung

TNU – University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	19/3/2025	Middle age Vietnamese literature often exalts the "chí" (will, ambition, aspiration) of the noble man, the true gentleman. Using poetry to express one's "chí" is a way for poets to reveal their inner thoughts, emotions, and aspirations. Nguyen Trai, however, had a unique way of expressing his "chí." How is this uniqueness manifested in his Nom poetry? Through an initial examination of his Quoc am thi tap (National pronunciation poetry collection), particularly the 21 poems titled Ngon Chi (Expressing Aspirations), the results reveal aspects of the will of a patriotic Confucian scholar. In Nguyen Trai's poetry, "chí" represents patriotism and the desire to build a prosperous nation in peace. At the same time, Nguyen Trai also shows that "chí" encompasses personal emotions and individual ideals towards the community. This study reveals a close relationship between ideology and literature, a relationship not only found in Nguyen Trai's works but also in many other authors of middle age Vietnamese literature.
Revised:	25/6/2025	
Published:	25/6/2025	
KEYWORDS		
Expressing Aspirations		
Nguyen Trai		
Nom poetry		
Quoc am thi tap		
Middle age Vietnamese Literature		

PHẠM TRÙ “CHÍ” TRONG THƠ NÔM NGUYỄN TRÃI

Nguyễn Văn Trung

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	19/3/2025	Văn học trung đại Việt Nam vẫn thường đề cao “chí” của người quân tử, bậc nam nhi. Mượn thơ để nói chí là một hình thức bày tỏ nỗi lòng, bộc lộ tâm sự, thể hiện hoài bão của mỗi thi nhân. Đối với Nguyễn Trãi, cách thể hiện “chí” của ông cũng rất khác biệt. Vậy sự khác biệt đó được thể hiện như thế nào trong sáng tác thơ Nôm của ông? Thông qua khảo sát ban đầu Quốc âm thi tập, đặc biệt là 21 bài thơ có nhan đề Ngôn chí, kết quả thu được đã cho thấy phần nào chí hướng của một nhà nho yêu nước. Trong thơ Nguyễn Trãi, “chí” là yêu nước, là khát vọng xây dựng đất nước phát triển trong hòa bình. Đồng thời, Nguyễn Trãi cũng cho thấy “chí” là cảm xúc cá nhân, là lý tưởng của mỗi cá nhân đối với cộng đồng. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa tư tưởng và văn chương. Mối quan hệ này không chỉ thấy ở riêng Nguyễn Trãi mà còn gặp ở nhiều tác giả khác trong văn học trung đại Việt Nam.
Ngày hoàn thiện:	25/6/2025	
Ngày đăng:	25/6/2025	
TỪ KHÓA		
Thi ngôn chí		
Nguyễn Trãi		
Thơ Nôm		
Quốc âm thi tập		
Văn học trung đại Việt Nam		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12345>

Email: trungnv.lol@tnue.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

328

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Thơ ca trung đại Việt Nam, đặc biệt là thơ Nôm luôn là đề tài hấp dẫn để các nhà nghiên cứu đào sâu tìm tòi. Bản thân của thơ Nôm là dùng chữ Nôm ghi lại lời nói của người Việt nên ý tứ cũng như câu chữ gần gũi với đời sống người dân Việt Nam. Nguyễn Trãi là một thi nhân “bậc thầy” trong sáng tác thơ Nôm. Sáng tác chữ Nôm của Nguyễn Trãi chủ yếu là thơ và hầu hết được tập hợp lại thành một tập với nhan đề *Quốc âm thi tập*. Thi tập này được các học giả biên soạn và phân ra làm nhiều môn loại như: Ngôn chí, tự thán, tức sự, tự thuật, thời lệnh môn, hoa mộc môn, cầm thú môn.v.v... Mỗi môn loại đều có những bài thơ tiêu biểu mang đậm màu sắc của đất nước và con người Đại Việt.

Khác với thơ chữ Hán, thơ Nôm của Nguyễn Trãi biểu lộ rõ tâm tình của ông hơn. Người xưa thường dùng thơ để nói chí hướng, và không ngoại lệ, Nguyễn Trãi cũng dùng thơ ca để biểu thị nỗi lòng, bộc lộ cảm xúc. Vấn đề thơ nói chí của tác giả văn học trung đại Việt Nam, đặc biệt là thơ nói chí của Nguyễn Trãi, đã từng được nhắc đến trong các nghiên cứu của các học giả như Trần Đình Hượu, Trần Ngọc Vương, Nguyễn Hữu Sơn v.v... Tuy nhiên, những nghiên cứu chỉ dừng lại ở góc độ đánh giá đơn lẻ như nhận định trong chuyên luận *Nho giáo và Văn học Việt Nam trung cận đại* của nhà nghiên cứu Trần Đình Hượu [1], hoặc *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung* của Trần Ngọc Vương [2] hoặc những nhận định được in trong chuyên luận *Nguyễn Trãi về tác giả và tác phẩm* do tác giả Nguyễn Hữu Sơn tuyển chọn và giới thiệu [3]...

Bên cạnh 03 chuyên luận nêu trên của những nhà nghiên cứu hàng đầu trong văn học trung đại Việt Nam, giới học thuật còn có một số bài viết về nghệ thuật thơ ca của Nguyễn Trãi, có thể kể đến 05 bài báo khoa học sau: “Nguyễn Trãi và thể thơ Việt Nam trong *Quốc âm thi tập*” [4], “Trăng trong ‘Quốc âm thi tập’” [5]; “Quan niệm của Nguyễn Trãi về vai trò và trách nhiệm của người nghệ sĩ trong sáng tác văn nghệ” [6]; “Nhận thức lại thái độ thẩm mỹ của Nguyễn Trãi trong ‘Quốc âm thi tập’” [7]; “Giải mã những câu thơ sáu chữ trong *Quốc âm thi tập* từ ngã đường ngữ âm học lịch sử” [8]... Hầu hết những bài viết này đều nghiên cứu về nội dung và nghệ thuật của thơ Nôm Nguyễn Trãi trong *Quốc âm thi tập* ở nhiều khía cạnh, tuy nhiên vẫn chưa có một bài viết nào tập trung vào phạm trù “chí” trong thơ Nôm của ông.

Để đánh giá một cách cụ thể hơn đặc trưng thơ nói chí của Nguyễn Trãi, bài viết đã dựa trên cơ sở phân định ranh giới giữa hai khái niệm “thi ngôn chí” và “Thi dĩ ngôn chí”, đồng thời áp dụng vào việc phân tích sơ bộ tập thơ Nôm *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi để đưa ra những đánh giá cụ thể hơn về tác giả này. Qua đó, bài viết giúp cho độc giả có một cái nhìn xác đáng về phạm trù “chí” trong thơ ca của tác giả.

2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp phân tích, đối chiếu*: phương pháp này được triển khai để phân định hai khái niệm dễ gây nhầm lẫn là “thi ngôn chí” và “Thi dĩ ngôn chí”, lựa chọn ra khái niệm xác đáng hơn để vận dụng vào việc phân tích thơ Nôm của Nguyễn Trãi.

- *Phương pháp thống kê, phân loại*: Dựa trên cơ sở thống kê toàn bộ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, chúng tôi lựa chọn ra chùm 21 bài thơ *Ngôn chí* để khảo sát, phân tích và đánh giá những nội dung thể hiện rõ nhất quan điểm của tác giả khi dùng thơ để nói chí.

- *Phương pháp tổng hợp*: Phương pháp này giúp bài viết tổng kết lại được kết quả nghiên cứu để củng cố thêm nhận định đã được đề xuất, đồng thời có thể đưa ra những hướng gợi mở mới khi nghiên cứu thơ Nôm của Nguyễn Trãi.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. “Thi ngôn chí” hay “Thi dĩ ngôn chí”?

Trong nghiên cứu văn học thường xuất hiện hai khái niệm gần như tương đồng tuy nhiên nội hàm lại có chút khác biệt là “thi ngôn chí” 詩言志 và “Thi dĩ ngôn chí” 詩以言志.

Đối với cụm từ “thi ngôn chí”, tư liệu cổ nhất nhắc đến ba chữ này là sách *Thượng thư* 尚書, thiên *Nghiêu điển* 堯典. Khi nói đến vai trò của thơ ca, âm vịnh và âm nhạc, sách đã viết: “Thi ngôn chí, ca vịnh ngôn, thanh y vịnh, luật hòa thanh. Bát âm khắc hài, vô tướng đoạt luân, thần nhân dĩ hòa.” (詩言志, 歌永言, 聲依永, 律和聲。八音克諧, 無相奪倫, 神人以和) [9, tr. 20]. Câu này có thể hiểu một cách khái quát là *thơ nói chí hướng, ca ngâm vịnh lời, thanh theo giọng ngâm, luật để hòa thanh, bát âm hài hòa, không chen lẫn lộn xộn. Thần và người do đó đều hòa hợp.*

Về cụm từ “Thi dĩ ngôn chí”, tài liệu sớm nhất cho thấy sự xuất hiện của nó là *Tả truyện*. Phần *Tương Công nhị thập thất niên* của sách này có nói đến việc sau khi các danh sĩ tham dự bữa tiệc của Trịnh Giản Công, mỗi người yêu cầu đọc một bài thơ để thể hiện chí hướng. Buổi tiệc kết thúc, Triệu Vũ nói với Thúc Hường: “*Văn Tử cáo Thúc Hường viết: ‘Bá Hữu tương vi lực hĩ! Thi dĩ ngôn chí, chí vu kì thượng, nhi công oán chí, dĩ vi tân vinh, kỳ năng cứu hồ? Hạnh nhi hậu vong.’ Thúc Hường viết: ‘nhiên. Dĩ xĩ! Sở vị bất cập ngũ năm giả, phu tử vị hĩ.’ Văn Tử viết: ‘kì dư giai sở thể chí chủ dã. Tử Triển kỳ hậu vong giả dã, tại thượng bất vong giáng. Án thị kỳ thứ dã, lạc nhi bất hoang. Lạc dĩ an dân, bất dâm dĩ sử chi, hậu vong, bất diệc khả hồ?’*” [10, tr. 189-190].

Tức, Sau buổi tiệc, Triệu Vũ nói với Thúc Hường: “*Bá Hữu e rằng sẽ bị giết. Thơ là biểu đạt tâm ý của một người. Ông ta dám đem những lời miệt thị quốc quân của ông ta biểu thị một cách công nhiên trước mặt quan khách, để lấy lòng người khác. Ông ta như vậy, làm sao sống lâu được? Chỉ e rằng không bao lâu sẽ bị tai họa thiệt thân.*” Thúc Hường nói: “*Đúng thế. Ông ta có phần kiêu ngạo. Thế mới nói Sống không quá năm năm, có lẽ nói về trường hợp này.*” Triệu Vũ nói: “*Sáu người khác đều có thể phò tá nhiều vị chúa công của nước Trịnh. Tử Triển là người cuối cùng rời khỏi chính trường. Ông ta làm quan to nhưng không quên nhân dân cấp dưới. Kể đó là Án Đoạn. Có thể hưởng lạc mà không hoang dâm. Dùng hưởng lạc để an định nhân dân, nhưng lại làm cho nhân dân không vượt quá thân phận để hoang dâm vô độ, có thể duy trì được lâu dài, thì có việc gì không thể làm được?*”. Và “Thi” ở đây được xác định là *Kinh Thi*.

Như vậy, xét về thời gian và xuất xứ, có thể thấy hai khái niệm này xuất hiện tương đồng, đều từ thư tịch cổ thời tiền Tần. Tuy nhiên nội hàm của hai khái niệm có sự khác biệt.

Mao thi tự 毛詩序 chép: “*thi giả, chí chi sở chí dã, tại tâm vi chí, phát ngôn vi thi. Tình động vu trung nhi hình vu ngôn, ngôn chí bất túc cố ta thán chí, ta thán chí bất túc cố vịnh ca chí, vịnh ca chí bất túc, bất tri thủ chí vũ chi, túc chi khiêu chí dã.*” (詩者, 志之所之也, 在心爲志, 發言爲詩, 情動于中而形于言, 言之不足, 故嗟歎之, 嗟歎之不足, 故詠歌之, 詠歌之不足, 不知手之舞之足之蹈之也。) [9, tr. 22-23]. Có thể hiểu “*Thơ, là nơi của chí, tại tâm thì gọi là chí, phát ngôn thì gọi là thi. Tình vận động ở bên trong, mà hình thái thì ở ngôn từ. Lời không đủ thì thể hiện bằng sự thở than; thở than không đủ thì bày tỏ qua vịnh ca; vịnh ca không đủ thì chẳng hiểu được thế nào là tay múa, chân nhảy*”. Đây có thể coi là luận điểm khẳng định quá trình sáng tác thể loại thi ca từ đó trở thành một bước hoàn chỉnh mệnh đề “Thi ngôn chí”, một mệnh đề được coi là “khai sơn chi tác” của thi ca cổ điển Trung Quốc.

Trong thiên *Tương Công nhị thập thất niên* 襄公二十七年 của sách *Tả truyện* 左傳 cụm từ “Thi dĩ ngôn chí” cũng được nhắc đến, “Thi” ở đây chỉ *Kinh Thi* 詩經, tập đại thành của thi ca dân gian Trung Quốc, không đơn thuần là thi ca nói chung, và theo đó “chí” cũng là hoài bão, tâm tư của người đọc *Kinh Thi*, mượn *Kinh Thi* để biểu đạt tâm tư, tình cảm của người đọc và người tiếp nhận, chứ không phải “chí” của người sáng tác *Kinh Thi*.

Trong 3 chữ “thi ngôn chí”, có thể thấy chữ “thi” mang nội hàm ý nghĩa rộng hơn, và biểu thị thi ca nói chung, đồng thời chữ “chí” cũng biểu đạt một cách cụ thể tâm tư, hoài bão, cũng như tâm trạng, tình cảm của mỗi tác giả. Như vậy, ba chữ “thi ngôn chí” là sự kế thừa và phát triển của “Thi dĩ ngôn chí”, đồng thời thể hiện một cuộc chuyển hướng từ “chí” của độc giả, tức người tiếp nhận sang “chí” của thi nhân, tức người sáng tác.

Về nguồn gốc của “thi ngôn chí”, chữ “chí” chưa xuất hiện trong giáp cốt văn và kim văn, nhưng trong *Thuyết văn giải tự* 說文解字 của Hứa Thận đời Hán đã xuất hiện, và theo cách giải thích trong

cuốn sách này thì có thể hiểu “chí là tất cả những ý tứ xuất phát từ trong tâm” hay nói cách khác “*chí giả, tâm chi sở chí*” (志者, 心之所之), tức là “tâm động” làm nên “chí” (tâm động tác vi “chí”) [11, tr. 71]. Như vậy, có thể tóm lược, “chí” là một loại vận động của ý thức xuất phát từ trong tim của mỗi người. Khi luận giải chữ “chí”, nhà nghiên cứu Trung Quốc là Văn Nhất Đa cho rằng chữ “chí” 志 có tượng chữ “chí” 止 ở trên chữ “tâm” 心, nên “chí” tức là dừng lại ở trên tâm, hay cất giấu ở trong tim, và vì thế, chữ “chí” có 3 ý nghĩa cơ bản: 1) ký ức; 2) ghi chép lại; 3) hoài bão [9, tr. 20].

Người xưa thường dùng chữ “chí” 志 để thay cho chữ “ý” 意. Vào thời cổ đại, “thi” và “chí” đồng nghĩa, có cùng âm đọc nên có thể mượn nhau để sử dụng. Do đó, “thi” và “chí” bản thân là một chữ, sau này sự xuất hiện của “thi ngôn chí” càng khẳng định thêm sự chắc chắn của cơ sở ngữ liệu.

Nhà nghiên cứu Ninh Bồi Long (Trung Quốc) đã đưa ra hai tiêu chí để phân biệt giữa “thi ngôn chí” và “Thi dĩ ngôn chí”. Theo ông, “*Thi dĩ ngôn chí*” lý luận làm nên tiếp nhận văn học, còn “*thi ngôn chí*” là lý luận làm nên sáng tác văn học”. (“詩以言志”是作為文學接受理論的, 而“詩言志”則是作為文學創作理論的。)[9, tr. 20].

Như vậy, có thể thấy trên góc độ nội hàm ý nghĩa, “thi ngôn chí” và “thi dĩ ngôn chí” là hai khái niệm khác nhau về nội hàm ý nghĩa. Do đó cần tránh sự hiểu lầm về hai khái niệm.

3.2. “Thi ngôn chí” trong thơ Nôm Nguyễn Trãi

Những bậc vĩ nhân xưa nay đều là sứ giả của các thời đại, văn chương của họ, nếu như họ có văn chương thực sự, thì thường chở cái đạo lớn của thời đại. Bởi vậy, kẻ sĩ xưa kia làm thơ cốt để nói lên cái chí của mình. Thiên *Thuần điển* trong *Kinh Thư* nói rõ là “thi ngôn chí”, sách *Tả truyện* nhắc lại ý đó: “Thi dĩ ngôn chí” hoặc thiên *Nho hiệu* 儒效 trong sách *Tuân Tử* 荀子: “Thi ngôn kỳ chí dã” hoặc thiên *Thiên hạ* 天下 trong sách *Trang Tử* 莊子 đều nói lại ý đó: “Thi dĩ đạo chí” (詩以道志) v.v... Không Tử thường nhắc nhở con mình là Bá Ngự phải chăm lo học tập *Kinh Thi*, vì “Bất học thi, vô dĩ ngôn” (不學詩無以言), tức “Không học *Kinh Thi* thì khó ăn nói ở đời” (trích thiên *Quý thị* 季氏 trong sách *Luận ngữ* 論語) [9, tr. 22].

Ở trường hợp Nguyễn Trãi, xét tổng thể thơ ca của ông có thể thấy, những sáng tác này đại thể đều dùng để biểu đạt tâm tư, tình cảm của cá nhân ông đối với thế cuộc, đối với bản thân... Do đó, khi nghiên cứu thơ ca của ông, chúng ta nên dùng khái niệm “thi ngôn chí”.

Xét đến thơ Nôm của Nguyễn Trãi, *Quốc âm thi tập* là đại diện tiêu biểu nhất. Trong thi tập có một chùm 21 bài thơ mang tên *Ngôn chí*. Những bài thơ này mặc dù mang tên là *Ngôn chí* nhưng chủ đề khá đa dạng. Chẳng hạn trong bài thơ *Ngôn chí kỳ nhất*, Nguyễn Trãi nói về việc ông nhàn thân, trở về với cuộc sống thanh đạm, thưởng thức những thú vui thường ngày như: thưởng trà, nghe tiếng chim kêu, xem hoa nở, chơi cờ cùng bạn hữu. Tuy nhiên, kết thúc bài thơ vẫn là nỗi niềm tâm sự của một người tận trung, tận hiếu. Tâm trạng đó được ông tâm niệm bằng câu nói “chăng nở trể”, tức là không dám trễ nải chỉ mong làm tròn đạo làm con và đạo làm tôi.

Bui có một niềm chẳng nở trể,
Đạo làm con với đạo làm tôi.

Khảo sát toàn bộ 21 bài thơ có nhan đề *Ngôn chí* trong *Quốc âm thi tập*, có thể thấy đại đa số những bài thơ trong chùm thơ này đều nói đến cảnh sống thanh nhàn. Tuy nhiên, ông không đơn thuần miêu tả cảnh sống thanh nhàn đó mà, ẩn sau cuộc sống với thiên nhiên thôn dã vẫn là nỗi lòng canh cánh chưa trọn đạo trung thần, hiếu tử. Có thể hiểu đây chính là chí của Nguyễn Trãi.

Trong thơ quốc âm của Nguyễn Trãi, chữ “chí” cơ bản được thể hiện ở sự bất đắc chí (chưa thỏa chí nguyện), chưa báo đền được ơn vua lộc nước, và đồng thời cũng là sự trăn trở chưa vẹn tròn đạo hiếu với song thân. Đây là điều bản thân tác giả luôn băn khoăn, day dứt suốt trong những ngày tháng tạm gác lại việc quan. Có thể điểm qua một số câu thơ như:

Quân thân chưa báo lòng canh cánh,
Tình phụ com trời áo cha.

(*Ngôn chí kỳ thất*)

Hoặc như hai câu trong bài *Ngôn chí kỳ cửu*, ông cũng viết:

Liêm, cần tiết cả tua hằng năm,
Trung, hiểu niềm xưa mưa nữa ròi.

Và trong bài *Ngôn chí số 11*, tức *Ngôn chí kỳ thập nhất*, ông vẫn day dứt:

Nợ quân thân chưa báo được,
Hài hoa còn bộn dặm thanh vân.

Có thể nói, chùm thơ *Ngôn chí* là tập hợp những bài thơ Nôm hay nhất về chí của Nguyễn Trãi. Ông thể hiện sự tinh tế của mình trong việc miêu tả thiên nhiên, cuộc sống bình yên vùng nông thôn. Ẩn sau mỗi ngọn cây, nếp nhà, tiếng chim, nhánh muống vẫn là một nỗi u hoài, một tình cảm trĩu nặng của một trí thức Nho học. Cho dù cuộc sống đẹp tươi với những hoa nở, chim kêu mỗi sớm mai, hay ánh trăng, vị trà khi đêm xuống, thì tâm tư của thi nhân vẫn vương bận một món nợ “quân thân”. Nguyễn Trãi vẫn luôn tâm niệm đây là món nợ mà bản thân ông chưa thể trả nổi. Ngược dòng lịch sử đến thời Trần, đã từng có một vị danh tướng “thẹn” khi chưa trả được nợ công danh là Phạm Ngũ Lão. Mặc dù lập bao công danh hiển hách trong công cuộc chống ngoại xâm nhưng Phạm Ngũ Lão vẫn “thẹn”, một nỗi “thẹn” thể hiện được hoài bão, chí khí cao ngất của đấng nam nhi. Đến với Nguyễn Trãi, người cũng đã lập bao công lao giúp nhà Lê dựng nghiệp, nhưng vẫn phảng phất nỗi u hoài. Trong ý thức của những bậc vĩ nhân đó, họ luôn muốn làm nhiều điều hơn những gì đã làm. Nguyễn Trãi buồn, không phải chưa lập được công danh gì cho quốc gia, ông buồn có lẽ là bởi giữa lúc đang hùng hực khí thế phò vua giúp đời lại không có cơ hội được thể hiện tài năng, giữa lúc muốn bận việc quan lại phải sống trong cảnh “thanh quan”, mặc dù chức vị còn đó nhưng năng lực chẳng được dùng. Bên ngoài là cuộc sống an nhàn làm bạn với hạc, vượn, trúc, mai kết anh em với trăng, mây, làm láng giềng với núi nhưng nơi sâu thẳm trong tâm trí thi nhân vẫn là nỗi nhớ đến bạn cũ vườn Nho, cũng là những trí thức cùng chí hướng với ông.

Nỗi khổ tâm của Nguyễn Trãi đã được giáo sư Trần Đình Hượu nhận định như sau: “*Nho giáo ảnh hưởng trực tiếp đến văn học qua thế giới quan của người viết. Nho giáo hiểu quan hệ giữa thiên đạo và nhân sự, sự tồn tại của trời, sự chi phối của Đạo, Lý của Mệnh. Cách Nho giáo hình dung thực tế, vạn sự, vạn vật và lễ biến dịch; cách Nho giáo hiểu cổ kim (lịch sử), cách Nho giáo hình dung xã hội, sự quan trọng đặc biệt của cương thường, đòi hỏi con người có trách nhiệm, có tình nghĩa, cảm xúc, cách suy nghĩ làm cho con người quan tâm hàng đầu đến đạo đức, lo lắng cho thể đạo, nhân tâm, bản khoán về lễ xuất xứ*” [1, tr. 51-52].

Trong *Quốc âm thi tập*, từ “chí cũ” được lặp đi lặp lại khá nhiều, có thể điểm qua các bài thơ như *Ngôn chí kỳ thập nhất*, *Thuật hứng kỳ bát*, *Mạn thuật kỳ thập* hay *Bảo kính cảnh giới kỳ thập thất*. Có thể thấy sự thủy chung son sắt của ông với chí hướng nam tử của bản thân mình. Tâm tư đó luôn thường trực trong con người ông: *Quân tử hầy lắm bèn chí cũ/ Chẳng âu ngật, chẳng âu già* (*Ngôn chí kỳ thập thất*); *Thân xưa hương hỏa chẳng còn ước/ Chí cũ công danh đã phỉ nguyên* (*Thuật hứng kỳ bát*); *Tướng thân hư ảo nổi bằng bè/ Chí cũ công danh vẫn rã keo* (*Mạn thuật kỳ thập*); *Cầu hiền chí cũ mong cho được/ Bất nghĩa lòng nào mưa nở toan* (*Bảo kính cảnh giới kỳ thập thất*).

“Chí cũ” ở đây là chí lớn, đại chí của quân tử, nó vốn có trong suy nghĩ của chủ thể từ lâu. Đó là chí vì dân, vì nước, tức niềm ưu ái mà bản thân Nguyễn Trãi đã nói đi nói lại nhiều lần:

Còn có một lòng âu việc nước,
Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung.
(*Thuật hứng kỳ nhị thập tam*)
Độc sách thì thông đòi nghĩa sách,
Đam dân mưa nở mất lòng dân.
(*Bảo kính cảnh giới kỳ ngũ thập thất*)

Thật ra, chỉ có quan điểm văn chương thể hiện chí lớn kẻ sĩ mới là quan điểm đúng đắn. Những nhà văn, nhà thơ thuộc thế hệ sau Nguyễn Trãi như Lê Thánh Tông và Tao Đàn nhị thập bát tú, Nguyễn Bỉnh Khiêm và học trò của ông, như Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh... đều có ý thức lấy văn chương làm một phương tiện cao quý để phục vụ cuộc sống vì dân, vì nước.

Khi nhận xét về Nguyễn Trãi, Phan Phu Tiên có viết trong *Tân san Việt âm thi tập* tự như sau: “*tâm hữu sở chí tất hình vu ngôn, cố thi dĩ ngôn chí dã. Đường Ngu quân thân xướng họa, liệt quốc dân tục ca dao, kỳ trị loạn chí tích bất đồng, nhi cảm phát vu tâm tắc nhất*” (心有所之必形于言, 故詩以言志也。唐虞群臣唱和, 列國民俗歌謠, 其治亂之迹不同, 而感發于心則一) [12, tr. 11]. Tạm dịch: “Trong lòng có chí hướng gì ắt sẽ thể hiện ra lời nói, cho nên thơ là để nói lên cái chí của mình. Lời xướng họa giữa vua tôi đời Đường, Ngu và câu ca dao dân gian đời Liệt Quốc, mặc dù trong đó dấu vết thời thịnh trị và loạn lạc không giống nhau, nhưng cảm xúc phát ra từ trong lòng chỉ là một.”

Đỗ Thu Hiền cũng nhận định: “*Sự quan tâm của Nho giáo thiên hẳn về phía xã hội nhân quần, trong phạm vi những mối quan hệ giữa người với người, trong cơ sở đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội. Mỹ học của Nho gia cũng vì thế nhấn mạnh tới hứng thú thẩm mỹ từ phía nhân tình, đạo đức*” [13, tr. 199].

Thơ ca của Nguyễn Trãi tập trung vào cái đẹp của nhân cách chủ thể, cái đẹp đó bao trùm toàn bộ hệ thống quan niệm thẩm mỹ của ông. Khi thể hiện mong ước của một nhà Nho, ông viết:

Từ ngày gặp hội phong vân,
Bỏ báo chưa hề đặt mổ phân.
Gánh, khôn đương quyền tướng phủ,
Lui, ngổ được đất nho thần.
Ước bề trả ơn minh chúa,
Hết khỏe phù đạo thánh nhân.
Quốc phú binh cường chẳng có chước,
Bằng tôi nào thừa ích chung dân.

(*Trần tình kỳ nhất*)

Trước tác của Nguyễn Trãi, đặc biệt là thơ quốc âm, thường không bị gò bó và câu thúc trong ý thức của một nhà nho lý tưởng. Bản thân ông là một trí thức, luôn mẫn tiệp trong việc phò vua nhưng khi đặt mình vào trong sáng tác văn học nghệ thuật, ông lại thể hiện được sự sôi nổi, nhiệt tình, qua đó người đọc thấy được trong con người ông là một trái tim nghệ sĩ đầy say mê và nhiệt huyết. Với ông mà nói, cái đẹp của lý tưởng Nho gia không nhất thiết nằm trong khuôn phép cứng nhắc, giá trị thẩm mỹ vẫn có thể tồn tại ở ý thức cá nhân, ở tâm tưởng mỗi người, do đó, cái đẹp không có khuôn mẫu nào quy định được. Sáng tác thơ ca cũng là một cách để tu dưỡng nhân cách, đạo đức, lý tưởng đó vậy.

Có một điều gần như chắc chắn là Nguyễn Trãi không bao giờ rời bỏ “chí” của mình, cả đời ông tận tụy cho lý tưởng *nhân nghĩa*, chỉ mong mọi được đem ra thi hành cho dân chúng. Trong hoàn cảnh bị chèn ép chốn quan trường, bị hạn chế chức vụ nhưng ông không hề luồn cúi, cũng không hề đầu hàng trước những mưu kế hãm hại của kẻ xấu, ông vẫn luôn thản nhiên nhắc đến chí bình sinh của mình.

Điều làm cho Nguyễn Trãi vĩ đại chính là ở việc ông đã vượt qua được những khuôn mẫu đơn thuần của việc thể hiện chí khí của bản thân. Hoài bão của ông suy cho cùng vẫn hướng về đại chúng nhân dân. Vì thế “chí” của Nguyễn Trãi có thể coi là “đại chí”. Có lẽ điều này cũng được kế thừa từ ông ngoại Trần Nguyên Đán của ông, một vị đại nho mang chí lớn cuối thời Trần, và cũng vì điều này mà ông được xếp vào phần “*huương thơm dòng dõi “thế gia vọng tộc”*” [3, tr. 729] của họ Trần.

4. Kết luận

“Thi ngôn chí” là một phạm trù của học thuyết Nho gia. Các nho sinh luôn dùng thi ca để bày tỏ chí hướng, hoài bão hay khát vọng của bản thân. Nguyễn Trãi là một nhà tư tưởng ảnh hưởng tương đối nhiều từ học thuyết nho gia. Ông đã dùng thi ca để bày tỏ chí hướng, khát vọng, nhân sinh quan của bản thân. Nếu thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi thể hiện sự uyên bác thì thơ Nôm của ông lại gần gũi bình dị, vì thế chí hướng của ông trong thơ Nôm cũng bình dị, dễ hiểu. Nhóm 21 bài thơ trong chùm *Ngôn chí* là minh chứng rõ ràng nhất cho nhận định trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. H. Tran, *The study of Confucianism and medieval – modern Vietnamese literature*. Hanoi: Education Publishing House (in Vietnamese), 1998.
- [2] N. V. Tran, *Vietnamese Literature: A Distinct Stream within the Common Source*, National University Press, 1999.
- [3] H. S. Nguyen (Selected and introduced), *Nguyen Trai: On the Author and His Works*. Hanoi: Education Publishing House, 2003.
- [4] L. Pham, “Nguyen Trai and Vietnamese Poetry Genre in ‘Quoc am thi tap’,” *Journal of Literature*, no. 4, pp. 12-24, 1980.
- [5] T. T. T. Hoang, “The Moon in ‘Quoc am thi tap’,” *Journal of Science - Ho Chi Minh City University of Education*, no. 22, pp. 83-87, 1999.
- [6] T. M. H. Dinh, “Nguyen Trai’s Views on the Role and Responsibility of Artists in Literary Creation,” *Journal of Science - Ho Chi Minh City University of Education*, no. 1, pp. 87-96, 2004.
- [7] P. H. Nguyen, “To think out again Nguyen Trai’s aesthetic position in the ‘Quoc am thi tap’,” *VNU Journal of Science, SOC., SCI., Human*, vol. XXIII, no. 1, pp. 30-43, 2007.
- [8] T. D. Tran, “Deciphering the Six-Syllable Verses in ‘Quoc am thi tap’ from the Perspective of Historical Phonology,” *Journal of Han Nom Studies*, no. 1, pp. 3-16, 2013.
- [9] P. L. Ning, ““Poems For Expressing Ideas” and “Idea – Expressing Poems”,” (in Chinese), *Journal of Heze Teachers College*, vol. 25, no. 3, pp. 20-23, Aug. 2003.
- [10] P. L. Ton, K. N. Phan, and K. H. Tran, *Zuo Zhuan: A Panorama of the Warring States Period*. Dong Nai Publishing House (in Vietnamese), 1995.
- [11] W. P. Zhang, ““Poems For Expressing Ideas” - The beginning of Chinese poetic theory,” (in Chinese), *Journal of Shandong Youth Administrative Cordres’ College*, vol. 2, no. 84, pp. 71-72, Apr 2000.
- [12] Institute of Literature, *Ly-Tran Poetry and Prose*, vol. 1. Hanoi: Social Sciences Publishing House (in Vietnamese), 1997.
- [13] T. H. Do, *The Literary Canon and Canonization in Vietnamese Literature (A Case Study of Tran Nhan Tong, Nguyen Trai and Le Thanh Tong)*. Hanoi: Vietnam National University Publishing House, 2019.